

Bản án số: **40/2022/HS-ST**  
Ngày 15-9-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Đình Hội

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Sỹ Phác và ông Nguyễn Duy Chấn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Thế Toàn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil tham gia phiên tòa:**  
Ông Phạm Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2022/TLST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. **Phùng Thị D**, sinh năm 1980 tại tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện S, tỉnh Đắc Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Phùng Viết D, sinh năm 1938 và con bà Lê Thị T2, sinh năm 1947; chồng là ông Lê Văn H (đã chết) và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2000 và nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: không; đang tại ngoại – Có mặt.

2. **Tổng Thị T1**, sinh năm 1969 tại tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn 7, xã B, huyện S, tỉnh Đắc Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Tổng Văn T3 (đã chết) và con bà Lê Thị T4, sinh năm 1942; chồng là ông Đặng Ngọc H, sinh năm 1963 và 03 người con, lớn nhất sinh năm 1992 và nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 24/02/2022 đến ngày 22/4/2022; đang tại ngoại – Có mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1953; địa chỉ: Thôn 3, xã R, huyện M, tỉnh Đắc Nông – vắng mặt;

+ Bà Đặng Thị T6, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn 10, xã B, huyện S, tỉnh Đắc Nông – vắng mặt

+ Ông Trương Minh T7, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt

+ Ông Phạm Văn N, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ dân phố 11, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân xã B, huyện S, tỉnh Đắk Nông; địa chỉ: xã B, huyện S, tỉnh Đắk Nông

Người đại diện của Ủy ban nhân dân xã Nam Bình: Ông Đoàn Văn T8 – chức vụ: Phó chủ tịch UBND xã B – vắng mặt.

+ Đại Ủy ban nhân dân xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông; địa chỉ: xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông

Người đại diện của Ủy ban nhân dân xã R: Ông Trần Thanh T9 – chức vụ: Phó chủ tịch UBND xã R – vắng mặt.

+ Văn Phòng công chứng Vũ Thị Hồng T10; địa chỉ: Số 150 đường Đ, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện Văn Phòng công chứng Vũ Thị Hồng T10: Bà Vũ Thị Hồng T10 – chức vụ: Trưởng văn phòng - vắng mặt.

+ Văn Phòng công chứng Vũ Minh V; địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện Văn Phòng công chứng Vũ Minh V: Ông Vũ Minh V – chức vụ: Trưởng văn phòng - vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Ông Y L, sinh năm 1985; địa chỉ: Bon S, xã A, huyện M, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

+ Bà H X; địa chỉ: Bon S, xã A, huyện M, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

+ Bà Lê Thị P, sinh năm 1971; địa chỉ: Bon S, xã A, huyện M, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện M, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

+ Bà Phan Thị H, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn 4, xã N, huyện M, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

+ Bà Lê Thị H, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian tháng 6/2020, trên địa bàn huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, Phùng Thị D đã thực hiện 02 lần làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức, trong đó, một lần thực hiện cùng với Tổng Thị T1, cụ thể:

Lần 1: Vào khoảng tháng 02/2020, gia đình anh Y L (sinh năm 1985, trú bon S, xã A, huyện M) có nhu cầu vay vốn nên mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số CO 998254 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 07/01/2019 đối với thửa đất số 817, tờ bản đồ 17, diện tích 1535m<sup>2</sup> giao cho bà Lê Thị P (sinh năm 1971, trú bon S, xã A, huyện M) nhờ liên hệ vay vốn tại ngân hàng. Bà P đồng ý nhưng sau đó không vay được nên nhờ Nguyễn Thị Mỹ L (sinh năm 1987, trú thôn H, xã A, huyện M) liên hệ người bán GCNQSDĐ trên để lấy tiền tiêu xài. L liên hệ với Phan Thị H (sinh năm 1975, trú thôn 4, xã N, huyện M) bán với số tiền 14.000.000 đồng, sau đó H tiếp tục bán cho Lê Thị H (sinh năm 1986, trú thôn L, xã Đ, huyện M) với số tiền 15.000.000 đồng. Khoảng tháng 6/2020, bà H chuộc lại GCNQSDĐ trên và bán cho Tổng Thị T1 (sinh năm 1969, trú thôn 7, xã B, huyện S) với số tiền 35.000.000 đồng. Sau đó, bà T1 tiếp tục bán cho Trương Thị S (sinh năm 1974, trú thôn 10, xã K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) với số tiền 80.000.000 đồng.

Do trước đó có vay của ông Phạm Văn N (sinh năm 1971, trú TDP 11, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) số tiền 950.000.000 đồng chưa trả nên Trương Thị S đã thế chấp GCNQSDĐ trên nhằm đảm bảo cho khoản vay. Trương Thị S nhờ Tổng Thị T1 làm giả hợp đồng ủy quyền cho S được toàn quyền quản lý, sử dụng, chuyển nhượng...đối với thửa đất trên thì T1 đồng ý. T1 nhờ Phùng Thị D làm giả hợp đồng ủy quyền thì D đồng ý. Sau đó, D, T1, S cùng gặp nhau tại quán cà phê G tại thôn T, xã Đ, huyện M để bàn về việc làm giả hợp đồng. Tại đây, T1 và S cung cấp các thông tin cá nhân của người ủy quyền, người nhận ủy quyền, thông tin thửa đất để D liên hệ người làm giả.

Sau khi có các thông tin D đưa đến tiệm Photocopy M tại thôn T, xã Đ, huyện M do Trương Minh T7 (sinh năm 1970, trú tại thôn A, xã Đ, huyện M) làm chủ, nhờ Trương Minh T7 làm giả hợp đồng ủy quyền cùng lời chứng của Văn phòng công chứng Vũ Minh V, địa chỉ tại TDP 7, thị trấn Đ, huyện M. Sau khi có được hợp đồng cùng lời chứng, D cầm về quán cà phê giao cho T1 và S. Tại thời điểm này hợp đồng cùng lời chứng đã có dấu giáp lai, dấu đỏ cùng chữ ký của Công chứng viên thuộc Văn phòng công chứng Vũ Minh V, tại mục người ủy quyền đã được ghi tên và điểm chỉ. Sau khi kiểm tra S ký, điểm chỉ vào phần người nhận ủy quyền và tất cả ra về.

Ngày 12/6/2020, D, Thuận và S tiếp tục gặp nhau tại quán cà phê G để chỉnh sửa hợp đồng làm trước đó do sai năm sinh của S. D tiếp tục là người cầm hợp đồng đến gặp ông Trương Minh T7 để chỉnh sửa. Sau khi có bản hợp đồng đã được chỉnh sửa D đưa lại quán cà phê cho T1 và S kiểm tra. Để hoàn thiện hợp đồng ủy quyền giả kèm lời chứng của công chứng viên ngày 12/6/2020 số công chứng 9349 quyền số 05TP/CC-SCC-HĐGD đã có chữ ký của công chứng viên Vũ Minh V và đóng dấu Văn phòng Công chứng Vũ Minh V, Trương Thị S đã ký tên và điểm chỉ vào mục người nhận ủy quyền. Do tại mục người ủy quyền chưa ghi tên, chưa

điểm chỉ nên S đã nhờ Tống Thị T1 viết tên Y L, H X đồng thời điểm chỉ ngón trỏ tay trái và ngón trỏ tay phải của T1 dưới tên Y L và nhờ Phùng Thị D điểm chỉ ngón trỏ tay trái và ngón trỏ tay phải của D dưới tên H X. Ngày 13/6/2020, Trương Thị S đưa hợp đồng ủy quyền giả đến Văn phòng Công chứng Vũ Thị Hồng T10, địa chỉ thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông làm hợp đồng thế chấp thửa đất cho ông Phạm Văn N. Sau khi nhận thế chấp ông N nhiều lần liên hệ với bà S để hỏi về việc trả nợ nhưng không liên lạc được. Vì vậy, ông N đã tìm đến vợ chồng Y L, H X để làm rõ tính pháp lý của hợp đồng ủy quyền trên và được biết vợ chồng Y L chưa ủy quyền cho bất kỳ cá nhân, tổ chức nào liên quan đến thửa đất trên. Sau khi biết sự việc vợ chồng Y L, H X đã trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil.

Lần 2: Vào khoảng đầu tháng 6/2020, Đặng Thị T6 (sinh năm 1957, trú thôn 10, xã B, huyện S, tỉnh Đắk Nông) nhờ Phùng Thị D tìm người thế chấp tài sản để vay tiền. D giới thiệu ông Nguyễn Văn T5 (sinh năm 1953, trú tại thôn 3, xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông) cho bà T6 để vay số tiền 70.000.000 đồng. Để nhận được tiền, bà T6 phải ủy quyền cho ông T5 toàn quyền quản lý, sử dụng, chuyển nhượng...đối với quyền sử dụng đất của thửa đất số 490, tờ bản đồ số 50, diện tích 348 m<sup>2</sup>, địa chỉ tại thôn T, xã N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông, thủ tục ủy quyền do D đứng ra thực hiện. Tuy nhiên, để hoàn tất hợp đồng ủy quyền cần phải có giấy xác nhận tình trạng hôn nhân theo quy định của pháp luật thì hợp đồng mới được chứng thực.

Để hợp thức hoá hồ sơ ủy quyền D đã lấy thông tin của bà T6 và ông T5 đưa đến tiệm Photocopy M, nhờ T7 làm giả 02 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân gồm: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 112/UBND-XNTTHN ngày 30/6/2020 xác nhận tình trạng hôn nhân của bà Đặng Thị T6 là chồng chết theo giấy chứng tử số 112, UBND xã B, có chữ ký của phó chủ tịch Đoàn Văn T8 và đóng dấu của UBND xã B; giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 112/UBND-XNTTHN ngày 15/6/2020 xác nhận ông Nguyễn Văn T10 đã ly hôn theo quyết định số 46/QĐTTTLH ngày 04/10/2002 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, có chữ ký của phó chủ tịch Trần Thanh T9 và đóng dấu của UBND xã R. Quá trình làm giả giấy xác nhận tình trạng hôn nhân D không cho ông T5, bà T6 biết. Ngày 30/6/2020, sau khi hoàn tất các thủ tục cần có để thực hiện hợp đồng ủy quyền, D mang 02 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân giả đến Văn phòng công chứng Đ tại tổ dân phố 1, thị trấn Đ, huyện M, để chứng thực hợp đồng. Tuy nhiên, qua kiểm tra hồ sơ, Công chứng viên đã phát hiện 02 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân trên có dấu hiệu làm giả nên không thực hiện việc công chứng.

Sau đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã triệu tập Phùng Thị D và Tống Thị T1 đến trụ sở để làm việc. Tại Cơ quan điều tra, Phùng Thị D và Tống Thị T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại kết luận giám định số 127/GĐTTL-PC09 ngày 04/8/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận:

- Chữ ký mang tên Đoàn Văn T8 trên tài liệu cần giám định so với chữ ký của ông Đoàn Văn T8 trên tài liệu mẫu không phải do cùng một người ký ra.

- Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “★U.B.N.D XÃ B H. S T. ĐẮK NÔNG” trên tài liệu cần giám định so với hình dấu tròn màu đỏ có cùng nội dung trên tài liệu mẫu không phải do cùng một con dấu đóng ra. (BL 93)

Tại kết luận giám định số 10/GĐTL-PC09 ngày 02/02/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận:

- Chữ ký mang tên Trần Thanh T9 trên tài liệu cần giám định so với chữ ký của ông Trần Thanh T9 trên tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra.

- Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “U.B.N.D XÃ R H. M T. ĐẮK NÔNG” trên tài liệu cần giám định so với hình dấu tròn màu đỏ của U.B.N.D XÃ R H. M T. ĐẮK NÔNG trên tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một con dấu đóng ra. (BL 72)

Tại Kết luận giám định số 96/GĐTL-PC09 ngày 22/7/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận:

- Hình tròn có nội dung (VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG VŨ MINH V) trên tài liệu cần giám định (*ký hiệu A*) so với hình dấu tròn màu đỏ có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh (*ký hiệu M1*) không phải do cùng một con dấu đóng ra;

- Hình dấu tên (VŨ MINH V) trên tài liệu cần giám định (*ký hiệu A*) so với hình dấu tên có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh (*hiệu hiệu M1*) không phải do cùng một con dấu đóng ra;

- Chữ ký mang tên Vũ Minh V dưới mục: Công chứng viên trên tài liệu cần giám định (*ký hiệu A*) so với chữ ký của Vũ Minh V trên tài liệu mẫu cần so sánh (*ký hiệu M1*) là không phải do cùng một người ký ra;

- Chữ ký (*dạng chữ viết*) mang tên Y L, H X dưới mục bên A và dưới các trang đánh số 1, 2 trên tài liệu cần giám định (*ký hiệu A*) so với chữ ký của Phùng Thị D trên tài liệu mẫu so sánh (*ký hiệu M2*) là không phải do cùng một người ký ra;

- Chữ ký, chữ viết mang tên Trương Thị S bên dưới mục B và dưới các trang đánh số 1, 2 trên tài liệu cần giám định (*ký hiệu A*) so với chữ ký, chữ viết của Trương Thị S trên tài liệu mẫu so sánh (*ký hiệu M3*) là do cùng một người ký, viết ra;

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký (*dạng chữ viết*) mang tên Y L, H X dưới mục bên A và dưới các trang đánh số 1, 2 trên tài liệu cần giám định (*ký hiệu A*) so với chữ ký của Tống Thị T1 trên tài liệu mẫu so sánh (*ký hiệu M4*) phải làm giống một người ký, viết ra hay không.

- Chữ ký (*dạng chữ viết*) mang tên H X bên dưới mục A và dưới các trang đánh số 1, 2 trên tài liệu cần giám định (*ký hiệu A*) so với chữ ký H X trên tài liệu mẫu so sánh (*ký hiệu M5*) là không phải do cùng một người ký ra;

- Chữ ký (*dạng chữ viết*) mang tên Y L dưới mục bên A và bên dưới các trang đánh số 1, 2 trên tài liệu cần giám định (*ký hiệu A*) so với chữ ký của Y L trên tài liệu mẫu so sánh (*ký hiệu M6*) là không phải do cùng một người ký ra;

- Dấu vân tay bên trái, bên phải chữ ký mang tên H X trên tài liệu cần định dạng (ký hiệu A) so với dấu vân tay của Phùng Thị D trên mẫu tài liệu so sánh (ký hiệu M7) là dấu vân tay của cùng một người in ra;

- Dấu vân tay bên trái, bên phải chữ ký mang tên Y L trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với dấu vân tay của Tống Thị T1 trên mẫu tài liệu so sánh (ký hiệu M8) là dấu vân tay của cùng một người in ra;

- Dấu vân tay bên trái, bên phải chữ ký mang tên Trương Thị S trên tài liệu cần định dạng (ký hiệu A) so với dấu vân tay của Trương Thị S trên mẫu tài liệu so sánh (ký hiệu M9) là dấu vân tay của cùng một người in ra;

Cáo trạng số 32/CTr-VKS, ngày 16/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil đã truy tố bị cáo Phùng Thị D về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo điểm b, c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Tống Thị T1 về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Ngày 26/8/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil đã rút một phần quyết định truy tố về điểm b khoản 2 Điều 341 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phùng Thị D và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử bị cáo Phùng Thị D về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo điểm c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil thực hành quyền công tố luận tội và tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Phùng Thị D, Tống Thị T1 phạm tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 341, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Tống Thị T1 từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phùng Thị D từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm.

- Về xử lý vật chứng: Không

Các Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận, lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Mil, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định

của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của các bị cáo Phùng Thị D và Tống Thị T1 tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được thẩm tra công khai tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Trong tháng 06/2021, bị cáo Phùng Thị D đã 02 lần làm giả của cơ quan, tổ chức với tổng số 03 tài liệu, trong đó có một lần thực hiện cùng với bị cáo Tống Thị T1 cụ thể:

Vào ngày 12/6/2021, bị cáo Phùng Thị D cùng với bị cáo Tống Thị T1 và Trương Thị S làm giả 01 hợp đồng uỷ quyền kèm lời chứng của công chứng viên ngày 12/6/2020 số công chứng 9349 quyền số 05TP/CC-SCC-HĐGD đã có chữ ký của công chứng viên Vũ Minh V và đóng dấu Văn phòng Công chứng Vũ Minh V. Ngoài ra, vào khoảng đầu tháng 6/2021, bị cáo Phùng Thị D làm giả 02 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân gồm: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 112/UBND-XNTTHN ngày 30/6/2020 xác nhận tình trạng hôn nhân của bà Đặng Thị T6 là chồng chết theo giấy chứng tử số 112, UBND xã B, có chữ ký của phó chủ tịch Đoàn Văn T8 và đóng dấu của UBND xã B; giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 112/UBND-XNTTHN ngày 15/6/2020 xác nhận ông Nguyễn Văn T10 đã ly hôn theo quyết định số 46/QĐTTLH ngày 04/10/2002 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, có chữ ký của phó chủ tịch Trần Thanh T9 và đóng dấu của UBND xã R.

Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo Phùng Thị D mặc dù đã 02 lần làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức với tổng số lượng tài liệu bị cáo làm giả là 03 tài liệu nên thuộc tình tiết định khung hình phạt “*Làm từ 02 đến 05 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự. Do đó, việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil rút một phần quyết định truy tố về điểm b khoản 2 Điều 341 của Bộ luật hình sự (Phạm tội 02 lần trở lên) đối với bị cáo Phùng Thị D và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử bị cáo Phùng Thị D về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo điểm c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, với hành vi mà các bị cáo đã thực hiện, số lần thực hiện, số lượng tài liệu mà các bị cáo đã làm giả Hội đồng xét xử đã đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo Phùng Thị D phạm tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo điểm c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Tống Thị T1 phạm tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Điều 341 của Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:

.....;

c) Làm từ 02 đến 05 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác;

.....

[3]. Xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm, đã trực tiếp xâm phạm đến hoạt động đúng đắn bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính về tài liệu hoặc giấy tờ khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an ở địa phương. Do đó cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra nhằm giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung đối với xã hội.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Phùng Thị D có bố chồng, bị cáo Tống Thị T1 có bố đẻ là người có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến hạng ba là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cần áp dụng đối với các bị cáo. Ngoài ra, bị cáo Tống Thị T1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo Tống Thị T1 còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6]. Trong vụ án có 02 bị cáo, nên cần phân hóa vai trò, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo để quyết định mức hình phạt cho phù hợp. Bị cáo Phùng Thị D làm giả 03 tài liệu; trong lần thực hiện cùng bị cáo Thuận thì mặc dù bị cáo Thuận là người khởi xướng còn bị cáo D là người trực tiếp liên hệ làm giả tài liệu nên vai trò của bị cáo D trong vụ án là quan trọng hơn do đó mức hình phạt đối với bị cáo D sẽ cao hơn so với bị cáo Thuận.

Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội này, các bị cáo luôn chấp hành chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên các bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP, ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và hình phạt áp dụng đối với các bị cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[7]. Trong vụ án này còn có Trương Thị S cùng thực hiện hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức với các bị cáo Phùng Thị D và Tống Thị T1, tuy nhiên



sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã bỏ trốn, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã ra quyết định truy nã, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

[8]. Đối với việc bị can Phùng Thị D khai nhờ Trương Minh T7 làm giả các tài liệu, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã tiến hành khám xét chỗ ở, tiến hành kiểm tra máy tính của Trương Minh T7 nhưng không thu giữ được tài liệu, chứng cứ liên quan đến các giấy tờ giả, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tách hành vi của Trương Minh T7 để tiếp tục điều tra, xác minh khi nào có căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

[9]. Đối với bà Đặng Thị T6, ông Nguyễn Văn T5 do không biết Phùng Thị D làm giả giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của mình nên không có căn cứ để xử lý theo quy định của pháp luật.

[10]. Đối với Lê Thị P, Nguyễn Thị Mỹ L, Phan Thị H, Lê Thị H do không biết Phùng Thị D, Tống Thị T1 làm giả hợp đồng uỷ quyền cùng lời chứng liên quan đến GCNQSDĐ số CO 998254 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk nông cấp ngày 07/01/2019 nên không có căn cứ để xử lý theo quy định của pháp luật.

[11]. Về xử lý vật chứng: Đối với các tài liệu giả gồm 01 hợp đồng uỷ quyền kèm lời chứng của công chứng viên ngày 12/6/2020 số công chứng 9349 quyền số 05TP/CC-SCC-HĐGD đã có chữ ký của công chứng viên Vũ Minh V và đóng dấu Văn phòng Công chứng Vũ Minh V; 02 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân gồm: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 112/UBND-XNTTHN ngày 30/6/2020 xác nhận tình trạng hôn nhân của bà Đặng Thị T6 là chồng chết theo giấy chứng tử số 112, UBND xã B, có chữ ký của phó chủ tịch Đoàn Văn T8 và đóng dấu của UBND xã B; giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 112/UBND-XNTTHN ngày 15/6/2020 xác nhận ông Nguyễn Văn T10 đã ly hôn theo quyết định số 46/QĐTTLH ngày 04/10/2002 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, có chữ ký của phó chủ tịch Trần Thanh T9 và đóng dấu của UBND xã R, căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự cần tịch thu, lưu hồ sơ vụ án.

[12]. Về án phí: Bị cáo Phùng Thị D, bị cáo Tống Thị T1, mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố các bị cáo Phùng Thị D và Tống Thị T1 phạm tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

1.1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phùng Thị D 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.2. Áp dụng điểm khoản 1 Điều 341, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Tống Thị T1 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

1.3. Giao bị cáo Phùng Thị D cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện S, tỉnh Đắk Nông và giao bị cáo Tống Thị T1 cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện S, tỉnh Đắk Nông giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

1.4. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp phạm tội mới thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội phạm mới và tổng hợp với hình phạt tù của bản án trước theo quy định tại Điều 55 và Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự:

Tịch thu lưu hồ sơ vụ án các tài liệu giả bao gồm: 01 hợp đồng uỷ quyền kèm lời chứng của công chứng viên ngày 12/6/2020 số công chứng 9349 quyền số 05TP/CC-SCC-HĐGD đã có chữ ký của công chứng viên Vũ Minh V và đóng dấu Văn phòng Công chứng Vũ Minh V; 02 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân gồm: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 112/UBND-XNTTHN ngày 30/6/2020 xác nhận tình trạng hôn nhân của bà Đặng Thị T6 là chồng chết theo giấy chứng tử số 112, UBND xã B, có chữ ký của phó chủ tịch Đoàn Văn T8 và đóng dấu của UBND xã B; giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 112/UBND-XNTTHN ngày 15/6/2020 xác nhận ông Nguyễn Văn T10 đã ly hôn theo quyết định số 46/QĐTTLH ngày 04/10/2002 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, có chữ ký của phó chủ tịch Trần Thanh T9 và đóng dấu của UBND xã R.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Phùng Thị D, Tống Thị T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Bộ phận HSNVCS-CA huyện M;
- Cơ quan THAHS-CA huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

**Trương Đình Hội**